

Số: 58 /KH-UBND

Tân Yên, ngày 05 tháng 6 năm 2017

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017 - 2020

Thực hiện Kế hoạch số 1088/KH-UBND ngày 11/4/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn Bắc Giang giai đoạn 2017-2020, Chủ tịch UBND huyện xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn đoạn 2017 - 2020 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tổ chức triển khai, thực hiện hiệu quả nội dung Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ; Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ; Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 6 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020, gắn với Chương trình phát triển kinh tế- xã hội của huyện và từng địa phương. Đẩy mạnh phát triển kinh tế nông nghiệp nông thôn, miền núi, kinh tế hộ gia đình, dịch vụ ngành nghề, giải quyết việc làm; thực hiện tốt mục tiêu tăng trưởng kinh tế gắn với giảm nghèo bền vững và tiến bộ công bằng xã hội.

2. Yêu cầu

- Tập trung sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành và cả hệ thống chính trị để triển khai, thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện giai đoạn 2016-2020. Kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với giảm nghèo bền vững; đẩy nhanh tốc độ giảm nghèo, bảo vệ môi trường, thực hiện công bằng xã hội.

- Duy trì bảo đảm tính bền vững của chương trình; thực hiện tốt các chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, thực hiện giảm nghèo bền vững; góp phần tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội.

- Lồng ghép thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các nguồn lực để giảm nghèo nhanh và bền vững; động viên, khuyến khích người nghèo tăng cường phát huy nội lực, có ý chí tự vươn lên thoát nghèo.

- Cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện cho người nghèo tiếp cận, sử dụng hiệu quả các chính sách hỗ trợ và các dịch vụ xã hội cơ bản, nâng cao trình độ dân trí cho người nghèo.

- UBND các xã, thị trấn phải xây dựng kế hoạch giảm nghèo sát với thực tế; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, công khai, dân chủ và đảm bảo tiết kiệm trong quản lý, sử dụng các nguồn vốn đầu tư cho chương trình.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Mục tiêu chung

Đẩy nhanh tốc độ giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội; cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống, tăng thu nhập của người dân, đặc biệt là nhóm hộ nghèo, hộ cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số và địa bàn các vùng nghèo; tạo môi trường và điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo tiếp cận tốt hơn các dịch vụ sản xuất, dịch vụ xã hội cơ bản về: y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận thông tin để tự lực vượt nghèo; thực hiện thắng lợi mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo giai đoạn 2016 -2020 theo Kế hoạch của UBND tỉnh giao và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Tân Yên lần thứ XXI đề ra.

2. Mục tiêu cụ thể đến hết năm 2020

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân của huyện 1,2%/năm, các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao hơn mức bình quân chung của huyện giảm 1,5%/năm. Phần đầu đến cuối năm 2020, giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện thấp hơn hoặc bằng 1,68% và hết năm 2018 không còn hộ nghèo là gia đình người có công với cách mạng (*có bảng tổng hợp kế hoạch giảm nghèo kèm theo*).

- Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả cơ chế, chính sách về giảm nghèo để cải thiện, nâng cao chất lượng đời sống của người nghèo; tăng khả năng tiếp cận và sử dụng hiệu quả các dịch vụ sản xuất, dịch vụ xã hội cơ bản của người nghèo.

- Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội được tập trung đầu tư đồng bộ theo tiêu chí nông thôn mới, trước hết là hạ tầng thiết yếu về giao thông, điện, trường học, trạm y tế, thủy lợi nhỏ, nước sinh hoạt...; tạo điều kiện để người dân tham gia thực hiện các hoạt động của Chương trình giảm nghèo để tăng thu nhập thông qua tạo việc làm công nhân phát huy hiệu quả các công trình được đầu tư, góp phần giảm rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, cải thiện tiếp cận thị trường.

3. Các chỉ tiêu chủ yếu cần đạt được đến năm 2020

3.1. Cải thiện sinh kế, tăng thu nhập để nâng cao chất lượng cuộc sống của người nghèo, người cận nghèo, người dân tộc thiểu số, hộ gia đình chính sách. Phần đầu đến hết năm 2020 toàn huyện có khoảng 2.300 hộ nghèo thoát nghèo so với kết quả điều tra tại thời điểm 01/10/2015.

3.2. Đảm bảo hộ nghèo/người nghèo tiếp cận và sử dụng hiệu quả các dịch vụ xã hội cơ bản trước hết về y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận thông tin theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều:

- 100% xã, thị trấn đạt tiêu chí chuẩn quốc gia về y tế;
- 100% người thuộc hộ nghèo, người thuộc hộ cận nghèo được cấp thẻ hoặc được hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế theo Luật Bảo hiểm y tế;
- Trên 90% số trường học đạt chuẩn về quốc gia;

- Trên 98% trẻ em trong độ tuổi quy định được đến trường đi học; trong đó không có trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo không được đến trường do nguyên nhân về kinh tế;

- 100% học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo quy định;

- Trên 90% dân số thành thị được sử dụng nước sạch và trên 95% dân số ở nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh;

- Trên 80% hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh, trước hết ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo có thiếu hụt về chỉ số nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường;

- 100% hộ nghèo có nhu cầu và đăng ký vay vốn làm nhà ở theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ được vay vốn tín dụng ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội để làm nhà ở;

- Đài truyền thanh của huyện biên tập, phát hành, phát sóng các chương trình phát thanh, ấn phẩm truyền thông, nhằm tuyên truyền chủ trương chính sách giảm nghèo của Đảng, nhà nước đến người dân;

- 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo đủ điều kiện và có nhu cầu vay vốn để đầu tư sản xuất, kinh doanh được hỗ trợ vay vốn tín dụng ưu đãi từ Ngân hàng chính sách xã hội;

- 100% người nghèo trong độ tuổi lao động có nhu cầu học nghề đều được hỗ trợ đào tạo nghề và giới thiệu việc làm;

- 100% người nghèo, người dân tộc thiểu số có nhu cầu trợ giúp pháp lý được trợ giúp pháp lý miễn phí;

- 100% đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo được trợ giúp, trợ cấp xã hội theo quy định của nhà nước;

- 100% cán bộ, công chức cấp huyện, cấp xã, cán bộ đoàn thể tham gia công tác giảm nghèo; trường thôn, khu phố được tập huấn về: kiến thức, kỹ năng quản lý và tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án; lập kế hoạch có sự tham gia của người dân; phát triển cộng đồng.

3.3. Giải quyết một cách cơ bản về cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội ở xã nghèo theo tiêu chí nông thôn mới, trước hết là hạ tầng thiết yếu về giao thông, điện, nước sinh hoạt.

III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Đối tượng

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên phạm vi toàn huyện; ưu tiên hộ nghèo dân tộc thiểu số, phụ nữ thuộc hộ nghèo;

- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

2. Phạm vi thực hiện

Chương trình được thực hiện trên phạm vi toàn huyện; ưu tiên nguồn lực của Chương trình đầu tư cho các xã khó khăn có tỷ lệ hộ nghèo cao.

3. Thời gian thực hiện: Từ năm 2017 đến năm 2020.

IV. NỘI DUNG CÁC HOẠT ĐỘNG GIẢM NGHÈO

1. Thực hiện giảm nghèo về thu nhập, nâng cao đời sống vật chất của người dân phấn đấu mỗi năm giảm bình quân 1,2% hộ nghèo

1.1. Hỗ trợ dạy nghề, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người nghèo

- Triển khai thực hiện Đề án đổi mới công tác đào tạo nghề theo hướng khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề trên địa bàn huyện giai đoạn 2017-2020 theo Quyết định số 2128/QĐ-UBND ngày 28/12/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Thực hiện đầy đủ chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn, lao động nghèo, cận nghèo, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người có đất thu hồi để phục vụ cho các công trình phát triển kinh tế - xã hội;

- Nâng cao chất lượng dạy nghề; nhân rộng các mô hình dạy nghề có địa chỉ; dạy nghề gắn với tạo việc làm cho người nghèo. Tạo điều kiện để người nghèo, người cận nghèo, người dân tộc thiểu số trong độ tuổi lao động, tiếp cận việc làm, chuyển đổi nghề nghiệp, đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài;

- Thực hiện tốt việc xây dựng cơ sở dữ liệu về thông tin thị trường lao động; phối hợp với các đơn vị, doanh nghiệp có năng lực, uy tín tổ chức tuyên truyền, tư vấn giới thiệu việc làm cho người lao động.

1.2. Tín dụng ưu đãi cho người nghèo

Tiếp tục thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số theo các chính sách của nhà nước, địa phương và các chương trình tín dụng ưu đãi khác. Vay vốn tạo việc làm tại chỗ cho người nghèo.

1.3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo

Chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai thực hiện Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo nhằm hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp bền vững, theo hướng sản xuất hàng hoá, khai thác tốt các thế mạnh của địa phương; tạo sự chuyển biến nhanh hơn về thu nhập và đời sống cho người nghèo, góp phần giảm nghèo nhanh và bền vững. Xây dựng, nhân rộng các mô hình phát triển sản xuất tại địa phương có hiệu quả.

Thực hiện Đề án số 1781/ĐA-UBND ngày 06/9/2016 của UBND huyện về giảm nghèo bền vững trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn huyện giai đoạn 2016-2020.

2. Hỗ trợ cho người nghèo được tiếp cận và sử dụng hiệu quả các dịch vụ xã hội cơ bản để giảm nghèo bền vững

2.1. Hỗ trợ về y tế

- Nội dung:

+ Đảm bảo 100% người thuộc hộ nghèo, người thuộc hộ cận nghèo được cấp thẻ hoặc được hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế theo Luật Bảo hiểm y tế;

+ Từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả khám chữa bệnh ở tuyến y tế xã, thị trấn; ưu tiên đầu tư trạm y tế chưa đạt chuẩn quốc gia về y tế;

+ Tổ chức, thực hiện tốt việc hỗ trợ từ Quỹ khám chữa bệnh người nghèo tỉnh, để hỗ trợ kịp thời cho các đối tượng người nghèo, người có hoàn cảnh đặc

biệt khó khăn mắc các bệnh nặng, bệnh hiểm nghèo phải điều trị nội trú tại bệnh viện từ tuyến huyện trở lên.

- *Phân công thực hiện:*

+ Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc xác nhận danh sách nhóm đối tượng được cấp thẻ bảo hiểm y tế thuộc ngành quản lý theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế;

+ Phòng Y tế chủ trì thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh cho nhóm đối tượng thụ hưởng chính sách; triển khai thực hiện hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế cho hộ cận nghèo trong hợp phần dự án NORRED;

+ Bảo hiểm xã hội huyện: Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra công tác lập danh sách mua thẻ BHYT, tổ chức in thẻ, cấp thẻ BHYT cho đối tượng theo quy định;

+ Các cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng phối hợp tổ chức thực hiện. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chỉ đạo tổ chức thực hiện trên địa bàn.

2.2. Hỗ trợ về Giáo dục đào tạo

- *Nội dung:*

+ Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo ở các cấp học trên địa bàn huyện;

+ Đảm bảo việc tiếp cận giáo dục đào tạo của người nghèo, cận nghèo, người dân có hoàn cảnh khó khăn;

+ Thực hiện đầy đủ các chính sách hỗ trợ giáo dục đối với học sinh thuộc hộ nghèo, học sinh mồ côi cả cha và mẹ không nơi nương tựa hoặc bị khuyết tật có khó khăn về kinh tế,...

- *Phân công thực hiện:*

Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Phòng Lao động - TBXH và các cơ quan, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện.

2.3. Hỗ trợ về nhà ở

- *Nội dung:*

Tổ chức triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo có khó khăn về nhà ở theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Hàng năm, phấn đấu thực hiện hoàn thành 100% kế hoạch hỗ trợ hộ nghèo có khó khăn về nhà ở theo kế hoạch đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trên địa bàn huyện.

- *Phân công thực hiện:*

+ Phòng Kinh tế - Hạ tầng chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chỉ đạo, tổ chức, triển khai thực hiện hỗ trợ hộ nghèo làm nhà ở theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

+ Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội, các đơn vị, doanh nghiệp tích cực tham gia chương trình hỗ trợ, cải thiện nhà ở cho hộ nghèo của huyện.

2.4. Hỗ trợ về nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường

- *Nội dung:*

+ Tăng cường công tác thông tin, giáo dục, truyền thông để thay đổi hành vi sử dụng nước sinh hoạt và vệ sinh của người dân.

+ Huy động tối đa nội lực, thực hiện lồng ghép các nguồn vốn để đẩy mạnh việc đầu tư xây dựng các công trình cấp nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn. Phân đấu đến cuối năm 2020 có trên 90% dân số thành thị được sử dụng nước sạch và trên 95% dân số ở nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh.

- *Phân công thực hiện:* Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức thực hiện.

2.5. Hỗ trợ giảm nghèo về thông tin

- *Nội dung:*

+ Tiếp tục triển khai Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số;

+ Tạo điều kiện để người nghèo được tiếp cận với các dịch vụ thông tin, các chế độ chính sách, thông tin về khoa học kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất,... sử dụng các thiết bị viễn thông, phát thanh, truyền hình giúp họ hiểu biết quyền, nghĩa vụ của mình, chủ động tiếp cận với các chính sách trợ giúp của Nhà nước, vươn lên thoát nghèo.

+ Tổ chức thực hiện tốt việc đưa chương trình văn hóa thông tin lưu động về cơ sở, đa dạng hóa các hoạt động thông tin, tuyên truyền để người được tiếp cận với các hoạt động văn hóa; phổ biến các gương thoát nghèo điển hình, mô hình giảm nghèo có hiệu quả.

+ Đào tạo kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ thông tin và truyền thông cấp xã.

- *Phân công thực hiện:* Phòng Văn hóa Thông tin chủ trì, phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, các cơ quan, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chỉ đạo tổ chức thực hiện.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 do ngân sách từng cấp đảm nhiệm, bố trí theo quy định hiện hành về Luật ngân sách.

- Nguồn kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo trên địa bàn huyện theo quy định hiện hành.

- Các nguồn lực xã hội hóa khác, lồng ghép với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội triển khai trên địa bàn.

VI. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và người dân về mục tiêu giảm nghèo bền vững

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức của các cấp uỷ Đảng, chính quyền và trong các tầng lớp nhân dân về tiêu chí tiếp cận nghèo đa chiều, mục tiêu giảm nghèo bền vững, góp phần tạo được sự đồng thuận và phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự đồng tâm, hiệp lực của toàn xã hội trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020. Thực hiện phong trào thi đua "*Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau*".

- Phát huy vai trò của Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, của gia đình, của cộng đồng vào công tác giảm nghèo và an sinh xã hội, vận động người nghèo vươn lên thoát nghèo là chính.

2. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực thực hiện Chương trình

- Bố trí vốn và cấp vốn kịp thời thực hiện chương trình, dự án và chính sách giảm nghèo theo quy định. Thực hiện có hiệu quả nguồn lực với Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới và các chương trình khác hướng vào mục tiêu giảm nghèo bền vững; tập trung các hoạt động và nguồn lực ưu tiên đầu tư trước cho các xã khó khăn có tỷ lệ nghèo cao hơn mức bình quân chung của huyện để đẩy nhanh tiến độ giảm nghèo.

- Hàng năm các cấp chủ động có kế hoạch bố trí ngân sách và huy động các nguồn lực khác để tập trung đầu tư cho mục tiêu giảm nghèo. Chú trọng tổ chức thực hiện tốt các phong trào vận động quần chúng giúp đỡ nhau trong phát triển kinh tế gia đình.

- Tăng cường việc xúc tiến, kêu gọi đầu tư, có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp trong và ngoài nước trên địa bàn đầu tư vốn, công nghệ sản xuất phù hợp vào địa phương để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm tại chỗ cho người lao động địa phương.

3. Triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách, dự án, đề án về giảm nghèo

- Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hỗ trợ phát triển sản xuất; nâng cao thu nhập cho hộ nghèo; hỗ trợ hiệu quả cho người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, ưu tiên cho các dịch vụ gắn với tiêu chí nghèo đa chiều như y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin.

- Thực hiện có hiệu quả Đề án số 1781/ĐA-UBND ngày 06/9/2016 của UBND huyện về giảm nghèo bền vững trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn huyện giai đoạn 2016-2020.

4. Tiếp tục phát huy quyền tự chủ và tham gia của nhân dân

Cấp ủy, chính quyền các cấp lấy phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân, đẩy mạnh công cuộc giảm nghèo là nhiệm vụ trung tâm; tăng cường sự tham gia của người dân vào mọi hoạt động của chương trình; gắn kết thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững với thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, tăng cường phân cấp tạo cho cơ sở chủ động trong quá trình lập kế hoạch, điều hành, quản lý các hoạt động của Chương trình. Phát huy quyền làm chủ, khả năng sáng tạo của nhân dân tham gia thực hiện giảm nghèo. Tổ chức cho nhân dân tham gia các hoạt động, bảo đảm tính công khai, dân chủ và minh bạch. Động viên mọi người dân phát huy nội lực, tự lực, tự cường vươn lên làm giàu chính đáng.

5. Xã hội hoá công tác giảm nghèo

- Thực hiện đa dạng hóa nguồn vốn huy động để triển khai thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Đẩy mạnh thực hiện xã hội hoá các hoạt động giảm nghèo bằng mọi nguồn lực khác có thể huy động được trên địa bàn; lồng ghép các Chương trình phát triển kinh tế- xã hội, giảm

nghèo, xây dựng làng văn hoá; khuyến khích các hoạt động tự nguyện, nhân đạo vì người nghèo.

- Tiếp tục vận động các doanh nghiệp, các cơ quan, đơn vị của tỉnh, trung ương đóng trên địa bàn chung tay giúp đỡ người nghèo.

6. Quản lý điều hành, thực hiện chương trình

6.1. Tăng cường quản lý nhà nước

- UBND cấp xã chủ động xây dựng kế hoạch giảm nghèo hàng năm gắn liền với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Chỉ đạo, chủ trì thực hiện các chính sách, dự án, hoạt động của Chương trình xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện chính sách, dự án để làm cơ sở phân bổ nguồn lực và triển khai thực hiện. Chủ động tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình; kịp thời phát hiện, khắc phục những hạn chế, thiếu sót trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện.

- Hàng năm tổ chức điều tra, rà soát danh sách, số lượng hộ nghèo, hộ cận nghèo nhằm đảm bảo tính chính xác, khách quan trong việc thực hiện các chính sách hỗ trợ về giảm nghèo của nhà nước.

6.2. Thành lập bộ máy chỉ đạo điều hành Chương trình

Thành lập Ban chỉ đạo điều hành các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 ở cấp huyện, xã, cơ quan Thường trực, bộ phận giúp việc thực hiện theo quy định của cấp có thẩm quyền và hướng dẫn của cấp trên.

6.3. Huy động sự tham gia của các tổ chức đoàn thể

- Mặt trận tổ quốc và các tổ chức thành viên: Liên đoàn lao động, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn thanh niên, Hội cựu chiến binh... tham gia thực hiện chương trình. Tiếp tục thực hiện quỹ “Ngày vì người nghèo”, xây dựng và củng cố “Tổ tiết kiệm - tín dụng”, “Tổ tương trợ” quỹ tín dụng cho người nghèo, người có thu nhập thấp; xây dựng và nhân rộng các mô hình giảm nghèo có hiệu quả.

- Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc chủ trì hướng dẫn và tổ chức thực hiện giám sát cộng đồng đối với việc thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia về giảm nghèo theo quy định.

7. Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện

- Đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở cấp xã, cấp huyện;

- Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở cấp xã;

- Tổ chức đối thoại chính sách, xác định nhu cầu và năng lực tham gia của người dân;

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm với những nơi làm tốt công tác giảm nghèo, tổ chức hội thảo, hội nghị về giảm nghèo.

8. Hoạt động giám sát, đánh giá kết quả thực hiện chương trình

- Thiết lập hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý, thực hiện Chương trình.

- Nâng cao năng lực vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu về giảm nghèo ở cấp huyện và cấp xã;

- Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình của các cấp.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội: Là cơ quan quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững có trách nhiệm:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện Chương trình theo quy định;

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Tài chính-Kế hoạch, Phòng Văn hóa và Thông tin và các đơn vị liên quan hướng dẫn các xã, thị trấn triển khai thực hiện các dự án hợp phần của Chương trình.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan

- Tham gia triển khai nội dung Chương trình trong phạm vi và nội dung, nhiệm vụ có liên quan đến lĩnh vực do cơ quan, đơn vị quản lý;

- Các cơ quan, đơn vị được phân công thực hiện các chính sách giảm nghèo theo Nghị quyết số 80/NQ-CP chịu trách nhiệm rà soát, xây dựng, hướng dẫn thực hiện cơ chế, chính sách giảm nghèo gắn với chính sách, chương trình và kế hoạch phát triển của cơ quan, đơn vị; đồng thời chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, thực hiện ở cơ sở.

- Cụ thể hóa các chỉ tiêu về y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận thông tin trong Chương trình, nhằm tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo tiếp cận một cách tốt nhất đến các dịch vụ xã hội cơ bản.

3. Đề nghị UB MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện

- Chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao chất lượng cuộc vận động “*Ngày vì người nghèo*”. Tăng cường các biện pháp vận động xây dựng và phát huy hiệu quả nguồn “*Quyỹ vì người nghèo*” các cấp để hỗ trợ hộ nghèo xây dựng, sửa chữa nhà ở, trợ cấp khó khăn... cho hộ nghèo, người nghèo.

- Vận động các tổ chức, cơ quan, đơn vị nhận giúp đỡ các hộ nghèo; tích cực giúp đỡ những hội viên nghèo, yếu thế của tổ chức mình trong việc tiếp cận các chính sách ưu đãi, nhất là chính sách tín dụng đối với hộ nghèo, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu giảm nghèo của huyện.

- Tổ chức giám sát việc triển khai Chương trình nhằm đạt mục tiêu giảm nghèo bền vững.

4. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

- Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới có hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương.

- Rà soát, thống kê, lập danh sách hộ nghèo, cập nhật thường xuyên danh sách hộ nghèo để có những đề xuất kịp thời và chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu và danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo của địa phương;

- Chủ động tổ chức thực hiện các chính sách và nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Chỉ đạo các thôn, khu phố trong việc phối hợp để tổ chức thực hiện Chương trình đạt hiệu quả.

5. Các cơ quan thông tin, tuyên truyền

Tuyên truyền nâng cao nhận thức, ý nghĩa, tầm quan trọng mục tiêu của Chương trình giảm nghèo; tuyên truyền các mô hình, cách làm hay, sáng tạo có hiệu quả về giảm nghèo cũng như kết quả hoạt động của Chương trình ở các địa phương; phổ biến các chính sách của Đảng và Nhà nước, của tỉnh, huyện có liên quan đến Chương trình giảm nghèo bền vững của huyện.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững huyện Tân Yên giai đoạn 2017 - 2020. Ủy ban nhân dân huyện yêu cầu các cơ quan, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn nghiêm túc triển khai tổ chức thực hiện; định kỳ 6 tháng (trước ngày 20/6) và hàng năm (trước ngày 05/12) báo cáo tình hình, kết quả thực hiện về UBND huyện (qua Phòng Lao động - TB&XH) để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở LĐ-TB&XH tỉnh;
- Lưu: VT, LĐTBXH.

Bản điện tử:

- TT HƯ, HĐND, UBND huyện;
- UBMTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện;
- Các cơ quan trực thuộc UBND huyện;
- BHXH huyện;
- Ngân hàng CSXH huyện;
- UBND các xã, thị trấn.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đinh Đức Cảnh

UBND HUYỆN TÂN YÊN

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN MÔ HÌNH GIẢM NGHÈO CÁC XÃ, THỊ TRẤN

(Kèm theo Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2017 của UBND huyện Tân Yên)

Số TT	Đơn vị	Năm 2015			Năm 2016			Năm 2017			Năm 2018			Năm 2019			Năm 2020		
		Tổng số hộ dân	Số hộ nghèo	Tỷ lệ (%)	Tổng số hộ dân	Số hộ nghèo	Tỷ lệ (%)	Tổng số hộ dân	Số hộ nghèo	Tỷ lệ (%)	Tổng số hộ dân	Số hộ nghèo	Tỷ lệ (%)	Tổng số hộ dân	Số hộ nghèo	Tỷ lệ (%)	Tổng số hộ dân	Số hộ nghèo	Tỷ lệ (%)
1	An Dương	2 008	130	6,47	2 008	100	4,98	2 029	84	4,12	2 050	63	3,06	2 071	46	2,24	2 092	27	1,29
2	Cao Thượng	1 837	135	7,35	1 864	119	6,38	1 883	99	5,28	1 903	75	3,92	1 922	55	2,88	1 942	32	1,65
3	Cao xá	3 249	240	7,39	3 265	193	5,91	3 299	161	4,89	3 333	121	3,63	3 367	90	2,66	3 401	52	1,53
4	Đại Hóa	1 255	74	5,9	1 268	67	5,28	1 281	56	4,37	1 294	42	3,24	1 308	31	2,38	1 321	18	1,36
5	Hợp Đức	1 911	177	7,26	1 949	138	7,08	1 969	115	5,85	1 990	86	4,35	2 010	64	3,19	2 030	37	1,83
6	Lam Cốt	2 221	170	7,65	2 184	148	6,78	2 207	124	5,60	2 230	93	4,16	2 252	69	3,05	2 275	40	1,75
7	Lan Giới	947	92	9,60	961	80	8,32	971	67	6,88	981	50	5,11	991	37	3,75	1 001	22	2,15
8	Liên Chung	2 004	228	11,38	2 048	214	10,45	2 069	179	8,64	2 091	134	6,41	2 112	99	4,71	2 134	58	2,70
9	Liên Sơn	1 490	122	8,19	1 516	105	6,93	1 532	88	5,73	1 548	66	4,25	1 564	49	3,12	1 579	28	1,79
10	Ngọc Châu	1 887	161	8,47	1 900	121	6,37	1 920	101	5,27	1 940	76	3,91	1 960	56	2,87	1 979	33	1,64
11	Ngọc Lý	1 886	110	5,83	1 919	96	5,00	1 939	80	4,14	1 959	60	3,07	1 979	45	2,25	1 999	26	1,29
12	Ngọc Thiện	3 750	241	6,43	3 757	207	5,51	3 796	173	4,56	3 836	130	3,38	3 875	96	2,48	3 914	56	1,42
13	Ngọc Vân	2 671	250	9,36	2 695	216	8,01	2 723	180	6,63	2 751	135	4,92	2 779	100	3,61	2 808	58	2,07
14	Nhã Nam	1 431	127	8,85	1 434	95	6,62	1 449	79	5,48	1 464	60	4,07	1 479	44	2,98	1 494	26	1,71
15	Phúc Hòa	2 048	123	6,01	2 048	109	5,32	2 069	91	4,40	2 091	68	3,27	2 112	51	2,40	2 134	29	1,37
16	Phúc Sơn	1 550	124	8,00	1 488	106	7,12	1 504	89	5,89	1 519	66	4,37	1 535	49	3,21	1 550	29	1,84
17	Quang Tiến	1 378	121	8,78	1 378	97	7,04	1 392	81	5,82	1 407	61	4,32	1 421	45	3,17	1 436	26	1,82
18	Quê Nham	2 263	161	7,11	2 263	148	6,54	2 287	124	5,41	2 310	93	4,01	2 334	69	2,95	2 358	40	1,69
19	Song Vân	2 598	227	8,74	2 637	195	7,39	2 665	163	6,11	2 692	122	4,54	2 720	91	3,33	2 747	52	1,91
20	Tân Trung	2 229	193	8,75	2 229	168	7,54	2 252	140	6,23	2 276	105	4,63	2 299	78	3,40	2 322	45	1,95
23	TT Cao Thượng	1 765	89	5,04	1 777	77	4,33	1 796	64	3,58	1 814	48	2,66	1 833	36	1,95	1 851	21	1,12
24	TT Nhã Nam	847	62	7,32	894	54	6,04	903	45	4,99	913	34	3,71	922	25	2,72	931	15	1,56
21	Việt Lập	2 507	160	6,38	2 597	152	5,85	2 624	127	4,84	2 651	95	3,59	2 678	71	2,64	2 705	41	1,51
22	Việt Ngọc	2 333	182	7,80	2 365	155	6,55	2 390	130	5,42	2 414	97	4,02	2 439	72	2,95	2 464	42	1,69
Tổng		48 065	3699	7,7	48444	3160	6,52	48 950	2640	5,39	49 456	1980	4,00	49 962	1468	2,94	50468	850	1,68